TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2023/DS-PT
Ngày: 27 -04-2023
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế, và yêu cầu hủy di chúc, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyến
Các Thẩm phán: Ông Lương Phước Đại
Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc *"*Tranh chấp di sản thừa kế, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Hồng Đ**, sinh năm 1977

Bà **Phạm Thị Hồng Y1**, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bà Đ và bà Y: Ông Huỳnh N, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 1A, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2023). Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Phạm Tấn H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1942 (đã chết năm 2021)

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Mai: Phạm Thị C, Phạm Thị Ng, Phạm Hồng Đ, Phạm Tấn H1, Phạm Tấn H2, Phạm Tấn H3.

3.2 Ông **Nguyễn Chí C**, sinh năm 2001

3.3 Ông **Phạm Lê L**, sinh năm 2001

3.4 Ông **Phạm Lê B**, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3.5 Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1959

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3.6 Bà **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3.7 Ông **Phạm Tấn H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3.8 Ông **Phạm Tấn H1,** sinh năm 1968

Địa chỉ: phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

3.9. **Văn phòng công chứng T**

Địa chỉ: quận C, thành phố Cần Thơ.

3.10 **Ủy ban nhân dân phường L, quận C**

Địa chỉ: quận C, TP. Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Tấn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2021 của nguyên đơn Phạm Hồng Đ, Phạm Thị Hồng Y1 có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C trình bày*:

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1941 (mất năm 2017) và bà Lê Thị M là vợ chồng. Lúc còn sống ông H và bà M có tạo lập được quyền sử dụng đất số 001262 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 21/4/2003, đất tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 do ông H xây dựng.

Hiện nay có bà M, bà Đ, bà L, ông B, ông C và bà Y đang sinh sống, quản lý nhà này. Trước khi mất ông H có lập di chúc ngày 13/02/2017 có chứng thực của UBND phường L, thành phố Cần Thơ. Nội dung di chúc là để lại phần tài sản là phần đất diện tích 2.925,8m^2 và nhà trên đất, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001262 cấp ngày 21/4/2003, đứng tên hộ ông Phạm Văn H, tọa lạc tại quận C, thành phố Cần Thơ cho bà Phạm Hồng Đ và bà Phạm Thị Hồng Y1. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 thì hộ ông H có 03 người là Phạm Văn H, Phạm Hồng Đ và Huỳnh Thanh Ph. Ngày 05/10/2020 bà M có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông H, nội dung văn bản là từ chối quyền hưởng thừa kế đối với tài sản của ông H để lại.

Bà M và ông H có 09 người con là Phạm Thị C, Phạm Thị Ng Phạm Tấn H, Phạm Hồng Đ, Phạm Tấn H1, Phạm Hồng H (mất lúc nhỏ), Phạm Tấn H2, Phạm Hồng Th (mất lúc nhỏ), Phạm Tấn S (mất năm 2014).

Ngày 05/10/2020, bà Lê Thị M có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Phạm Văn Hh (*thửa đất số 03, diện tích 2.925,8m^2*), tặng cho lại cho bà Phạm Hồng Đ, hợp đồng được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Tây Nam.

Năm 2017, ông Phạm Tấn H về sống chung trong căn nhà này (ông H xây dựng nhà tiền chế ngay phía trước căn nhà của ông H để sinh sống).

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của ông Phạm Văn H để lại, chia thừa kế theo di chúc. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà M cho bà Đ theo đó công nhận cho bà Đ quyền sở hữu về tài sản liên quan đến phần tài sản của bà M trong khối tài sản chung với ông H. Buộc ông H di dời nhà tiền chế để trả lại diện tích đất ngang 10m dài 20m cho phía bà Đ. Nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn giá trị xây dựng. Ngày 30/5/2022 nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc ông H di dời chỗ ở.

** Bị đơn ông Phạm Tấn H trình bày:*

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do không đồng ý là thời điểm lập di chúc ông H không còn minh mẫn vì ông H đã bị bệnh từ lâu. Năm 2017 ông H mất, ông được sự đồng ý của mẹ là bà Lê Thị M và bà Đ để về ở chung tại căn nhà cấp 4 và lúc còn sống ông H cũng kêu ông về thay thế em trai là Phạm Tấn S đã chết để lo cho cha mẹ và thờ phụng ông bà và đồng thời phải nhượng lại căn nhà ông ở tại chợ Cái Chanh cho bà Đ để bà Đ sinh sống. Lúc sinh thời ông H, bà M không để lại gì cho bà Đ và bà Y như những gì nêu trong di chúc. Ông là người đứng tên chủ hộ trong sổ hộ khẩu của gia đình. Bà Đ và bà Y lợi dụng sự bệnh tật của cha mẹ để lén lút lập di chúc, hợp đồng nhằm chiếm đoạt tài sản của cha mẹ. Phần đất theo giấy chúng nhận quyền sử dụng đất số số 001262 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 21/4/2003 là tài sản chung của hộ ông Phạm Văn Hạnh nên bà Mai không có quyền tự định đoạt tài sản này nên ông yêu cầu hủy di chúc ngày 13/02/2017 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/10/2020 giữa bà Lê Thị M với bà Phạm Hồng Đ. Ông yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của ông H để lại, ông có yêu cầu nhận nhà để ở và thờ cúng ông bà nếu có chênh lệch giá trị thì đồng ý thối lại cho những đồng thừa kế khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày:*

Bà C là con lớn của bà Lê Thị M và ông Phạm Văn H. Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Việc ông H lập di chúc cho đất cho bà Đ và bà Y bà có biết và cũng biết việc bà M tặng cho đất cho bà Đ. Trường hợp Tòa án có chia thừa kế thì bà cũng nhường phần thừa kế của mình cho bà Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn H1 trình bày:*

Ông H1 là con của ông H và bà M. Ông thống nhất với ý kiến của bị đơn về di sản cha, mẹ của ông để lại. Ông H và bà M tôi có 09 người con. Việc cha, mẹ lập di chúc cho bà Đ và cháu Y thì ông hoàn toàn không biết. Nay ông có yêu cầu là hủy di chúc của cha, mẹ lập cho bà Đ, cháu Y và chia di sản thừa kế theo qui định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Lê L, Phạm Lê Bg trình bày:* Chúng tôi là con của ông Phạm Tấn S (chết năm 2014). Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chúng tôi không có ý kiến gì. Chỉ xin được 01 chỗ để ở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường L trình bày ý kiến:*

Vào ngày 13/02/2017, Ủy ban nhân dân phường L có chứng thực di chúc của ông Phạm Văn H theo yêu cầu của ông Phạm Văn H (phiếu yêu cầu chứng thực vào lúc 08 giờ ngày 13/02/2017). Tại thời điểm chứng thực, ông Phạm Văn H minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ hành vi của mình (có Giấy chứng nhận số 153/2017/CN-BVTT do Bệnh viện Tâm thần cấp ngày 09/02/2017 chứng nhận hiện tại không rối loạn tâm thần) và tự nguyện lập di chúc, cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung di chúc. Đồng thời Ủy ban nhân dân phường L cũng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. (BL136).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng T trình bày ý kiến:*

Trong quá trình thực hiện giao kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1958, quyển số 10/2020-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2020 giữa bà Lê Thị M và bà Phạm Thị Hồng Đ, các bên trong hợp đồng đã xuất trình đầy đủ giấy tờ cần thiết và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên đã được giải thích, đã hiểu rõ và đã ký vào hợp đồng trước mặt Công chứng viên. Như vậy, việc giao kết và công chứng hợp đồng đúng theo qui định của pháp luật về công chứng, hợp đồng có hiệu lực và chỉ có thể hủy theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, Văn phòng Công chứng T xin được vắng mặt (BL135).

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã quyết định:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ, bà Phạm Thị Hồng Y1.

1.1 Tuyên bố Tờ di chúc của ông Phạm Văn H, sinh năm 1941lập ngày 10/02/2017 được Ủy ban nhân dân phường L, quận Cái R, thành phố Cần Thơ chứng thực số 01, quyển số 01/TP/CC/HĐGD ngày 13/02/2017có hiệu lực một phần. Cụ thể là có hiệu lực đối với ½ tài sản là diện tích đất và tài sản trên đất của

thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực Y, phường L, quận Cái Răng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001262 cấp ngày 21/4/2003, đứng tên hộ ông Phạm Văn H. Bà Phạm Hồng Đ và bà Phạm Thị Hồng Y được quyền thừa kế theo di chúc đối phần tài sản có hiệu lực.

1.2 Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Lê Thị M tại Văn phòng Công chứng Tây Nam ngày 05/10/2020, số công chứng: 1958, quyển số 10/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Bà Đ được quyền đăng ký chủ sử dụng đối với diện tích đất LUC là 2.756m^2 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

+ Căn nhà chính xây dựng trên phần đất ODT của thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ là di sản dùng để thờ cúng giao cho bà Điệp và bà Y quản lý và sử dụng vào việc thờ cúng và thực hiện việc thờ cúng.

Bà Đ và bà Y được quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký sang tên, chỉnh lý biến động đối với tài sản được điều chỉnh bởi di chúc ông Phạm Văn H lập ngày 10/02/2017 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Lê Thị M ngày 05/10/2020.

1.3 Bị đơn có nghĩa vụ di dời 05 cái tum, kết cấu khung thép, mái tole, nền láng xi măng, vách lưới B40 do bị đơn xây dựng trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ để giao trả phần đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 5.000.000 đồng để di dời tài sản này.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu bị đơn di dời để trả lại phần đất 10mx20m.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2022 bị đơn nộp đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,chấp nhận phản tố của bị đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Thửa đất số 03 được cấp cho hộ gia đình, theo xác nhận của cơ quan Công an thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ ông Hạnh có 11 thành viên. Thời điểm ông H lập di chúc, ông H không còn minh mẫn. Bà Mai tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Điệp

là không đúng, vì các anh em khác trong gia đình đều không biết, thời điểm tặng cho bà Mai cũng không còn minh mẫn. Đề nghị hủy di chúc và hợp động tặng cho quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 03 được ông Phạm Văn H và bà Lê Thị M nhận chuyển nhượng từ năm 1991, năm 2003 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là tài sản chung của ông H và bà M, là có căn cứ. Di chúc của bà Phạm Văn H, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị M với bà Phạm Đồng Đ được công chứng, chứng thực nên có hiệu lực. Ông H kháng cáo yêu cầu hủy di chúc và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm về nội dung, điều chỉnh phần án phí do cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch là chưa phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp di sản thừa kế, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy di chúc, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3, 5, 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định chung của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn.

[2.1] Theo kết Bản trích đo địa chính ngày 15/8/2022 và lời thừa nhận của các đương sự thì phần đất tranh chấp là thửa số 3, có diện tích 2.956m^2 đất ODT+LUC (có 200m^2 đất ODT), do ông Phạm Văn H đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001262 ngày 21/4/2003.

Theo hồ sơ địa chính thì nguồn gốc đất là do ông Phạm Văn H và bà Lê Thị M nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Thạnh từ ngày 11/11/1991. Ngày 14/03/2003, ông H và bà M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong hồ sơ địa chính không thể hiện các thành viên khác trong hộ gia đình ông H và bà M.

Tại phiếu trả lời thông tin nhân khẩu số 82/QLHC ngày 28/05/2020 của Đội Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội của Công an quận Cái Răng xác định thời điểm ngày 21/4/2005 trong hộ ông Phạm Văn H có 03 thành viên.

Theo Phiếu trả lời thông tin nhân khẩu số 215/QLHC ngày 05/10/2022 của Công an quận Cái Răng đã xác định vào thời điểm ngày 21/4/2003 thì hộ ông Phạm Văn H có 11 nhân khẩu.

Tại Công văn số 57/CAQ-QLHC ngày 17/02/2023 của Công an quận Cái Răng xác định hộ ông Phạm Văn H thời điểm ngày 21/4/2003 có 11 nhân khẩu, gồm: ông Phạm Văn H (chủ hộ), bà Phạm Thị Ng (con), ông Phạm Tấn H (con), ông Phạm Tấn H1 (con), bà Phạm Hồng Đ (con), anh Huỳnh Thanh Phong (cháu)-sn 1984, anh Lê Hoàng Nhơn (cháu)-sn 1985, anh Phạm Tấn Kiệt (cháu)- Sn 1995, chị Phạm Thị Cẩm Hoa (cháu)- sn 1994, Nguyễn Thị Cẩm Hồng (cháu)- sn 1993 và Trần Thị Cẩm Vân (con dâu)- sn 1972).

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện: tại thời điểm nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H thì bà M đăng ký thường trú tại quận Ninh Kiều. Ông H, bà M là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các con, các cháu của ông H không có đóng góp trong việc tạo lập quyền sử dụng đất, thửa đất tranh chấp không phải do Nhà nước cấp. Trong hồ sơ địa chính không thể hiện các thành viên khác trong hộ gia đình ông H và bà M nên cần xác định thửa đất tranh chấp là tài sản chung của ông H và bà M, không phải là tài sản của hộ gia đình. Tại Công văn số 815/UBND ngày 31/3/2023 của UBND quận Cái Răng cũng nêu "*qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001262 ngày 21/4/2003 của hộ ông Phạm Văn H thì không có thông tin từng thành viên trong hộ, mối quan hệ với chủ hộ nào khác ngoài ông Phạm Văn H và bà Lê Thị M*".

Ông H kháng cáo cho rằng thửa đất tranh chấp cấp cho hộ ông Phạm Văn H, trong hộ gồm 11 thành viên là không có căn cứ.

[2.2] *Xét kháng cáo của ông Phạm Tấn H về việc hủy di chúc của ông Phạm Văn H và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*:

- "Tờ di chúc" do ông Phạm Văn H lập ngày 10/02/2017 có ký tên và điểm chỉ của ông H, được Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ chứng thực ngày 13/02/2017, chứng thực số 01 quyển số 01/TP/CC/HĐGD, phù hợp quy định tại Điều 627, khoản 4 Điều 628, 635 và khoản 1 Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm chứng thực, ông Phạm Văn H minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ hành vi của mình (có Giấy chứng nhận số 153/2017/CN-BVTT do Bệnh viện Tâm thần cấp ngày 09/02/2017 chứng nhận

hiện tại không rối loạn tâm thần) và tự nguyện lập di chúc, cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung di chúc". Cho thấy, việc lập di chúc của ông H là tự nguyện và tại thời điểm lập di chúc ông H đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cấp sơ thẩm xác định di chúc có hiệu lực một phần, là có căn cứ.

Ông H cho rằng thời điểm ông H lập di chúc không còn minh mẫn nhưng ông không đưa ra được cơ sở gì chứng minh.

- Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/10/2020 giữa bà Lê Thị M với bà Phạm Hồng Đ đã tuân thủ đúng các điều kiện về hình thức phù hợp với quy định Điều 459 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013, được công chứng tại Văn phòng Công chứng T số công chứng 1958 quyển số 10/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà M cũng đã có đến tòa và có trình bày ý kiến của mình thống nhất với nội dung hợp đồng tặng cho và văn bản từ chối nhận di sản. cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực là có căn cứ, phù hợp với Án lệ số 52/2021 về hiệu lực của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Bị đơn kháng cáo cho rằng bà M tặng cho tài sản mà không thông qua ý kiến của bị đơn và các anh, em trong gia đình, khi lập hợp đồng tặng cho bà M không còn minh mẫn, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, việc bà M định đoạt quyền về tài sản của mình là quyền cá nhân bà M không liên quan đến các thành viên khác trong hộ và pháp luật cũng không quy định việc định đoạt tài sản của cá nhân phải thông báo cho các thành viên khác trong gia đình biết nên không có căn cứ cho rằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà M là vô hiệu.

Ông Phạm Tấn H kháng cáo yêu cầu hủy di chúc của ông Phạm Văn H và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, là không cóc ăn cứ chấp nhận.

[2.3] Như đã phân tích nêu trên, Quyền sử dụng thửa đất số 03 diện tích 2956.0m^2 loại đất ODT và LUC (có 200 m^2 đất ODT) là tài sản chung của ông Phạm Văn H và bà Lê Thị M, mỗi người người có quyền sử dụng ½ thửa đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định bà Đ và bà Y được quyền sử dụng ½ thửa đất số 03 (*Theo di chúc của ông Hạnh lập ngày 10/02/2017*), bà Đ còn được quyền sử dụng ½ thửa đất số 03 (theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/10/2020 giữa bà Lê Thị M với bà Phạm Hồng Đ), là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Bà Đ và bà Y có mối quan hệ mẹ con, thống nhất sẽ tự phân chia thửa đất số 03, không yêu cầu tòa án giải quyết nên cấp sơ thẩm không phân chia là phù hợp.

Đối với căn nhà xây dựng trên phần đất ODT, diện tích xây dựng 173,16m^2. Theo nội dung di chúc thì ông H giao lại cho bà Đ và bà Y quản lý, sử

dụng căn nhà này làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, không ai được quyền chuyển nhượng, sang bán. Bà M khi còn sống cũng thống nhất di chúc của ông H. Tại phiên tòa, bà Đ cũng thống nhất để căn nhà này là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên và sẽ do bà Đ và bà Y quản lý. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đây là di sản thờ cúng, không chia thừa kế và giao cho bà Đ và bà Y quản lý căn nhà này và thực hiện việc thờ cúng theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015, là phù hợp.

Thửa đất số 03 thuộc quyền sử dụng của bà Đ và bà Y, cấp sơ thẩm buộc ông Hiếu tháo dở, di dời 05 cái tum, để trao trả đất cho bà Điệp và bà Y là có căn cứ. Bà Đ và bà Y tự nguyện hỗ trợ cho ông Hiếu 5.000.000 đồng làm chi phí di dời, cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì "*Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch*", cấp sơ thẩm buộc ông H chịu án phí có giá ngạch là không đúng, cần rút kinh nghiệm, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phú hợp.

Án phí phúc thẩm: kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, 166, 502, 503,630, 631, 635, 643, 645 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 166, 167, 188 Luật đất đai năm 2013

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn H

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ về nội dung, điều chỉnh phần án phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ, bà Phạm Thị Hồng Y1.

1.1 Công nhận hiệu lực một phần di chúc của ông Phạm Văn H, sinh năm 1941 lập ngày 10/02/2017 được Ủy ban nhân dân phường L, quận C, thành phố Cần Thơ chứng thực số 01, quyển số 01/TP/CC/HĐGD ngày 13/02/2017. Phần có

hiệu lực là bà Phạm Hồng Đ, bà Phạm Thị Hồng Y1 được quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất số 03 (thửa số 03 diện tich 2.956m^2), tờ bản đồ số 33.

1.2 Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Lê Thị M tại Văn phòng Công chứng Tây Nam ngày 05/10/2020, số công chứng: 1958, quyển số 10/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Bà Phạm Hồng Đ được quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất số 03 (thửa số 03 diện tich 2.956m^2), tờ bản đồ số 33.

1.3. Bà Phạm Hồng Đ, bà Phạm Thị Hồng Y1 được quyền sử dụng thửa đất số 03, diện tich 2.956m^2 (200m^2 đất ODT và 2.756m^2 đất LUC), đất tọa lạc tại khu vực Yên Thượng, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Phan Tấn H có nghĩa vụ di dời 05 cái tum, kết cấu khung thép, mái tole, nền láng xi măng, vách lưới B40 do bị đơn xây dựng trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, để giao trả phần đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn **5.000.000** đồng để di dời tài sản này.

1.4. Căn nhà chính xây dựng trên phần đất ODT của thửa đất số 03, tờ bản đồ số 33, là di sản dùng để thờ cúng, giao cho bà Đ và bà Y quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng và thực hiện việc thờ cúng.

Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tài sản do tòa lập ngày 17/11/2021, Bản trích đo địa chính số 118/TTKTTNMT ngày15/8/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để xác định vị trí, kích thước căn nhà thờ cúng; vị trí tài sản ông Hiếu phải tháo dở,di dời khỏi thửa đất số 03; diện tích, kích thước thửa đất số 03 mà bà Điệp và bà Y được quyền sử dụng.

Bà Phạm Hồng Đ, bà Phạm Thị Hồng Y được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bị đơn di dời để trả lại phần đất 10mx20m.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện nộp và chi xong.

4.Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 12.613.000 đồng theo biên lai thu tiền số 006736 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng thì nguyên đơn được nhận lại 12.313.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 006822 ngày 31/3/2021 của

Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bị đơn được nhận lại 4.700.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Tấn H phải chịu 300.000đ, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008671 ngày 17/10/2022 vào án phí. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)	*(Đã Ký)*
Lương Phước Đại – Trương Hoài Bình	**Nguyễn Quyến**